

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2021/HS-ST

Ngày: 28 /9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Giáp Huy Tường

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 149/2021/TLST-HS ngày 15/9/2021 theo Quyết định đưa ra xét xử số 161/2021/QĐXXST-HS ngày 17/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Mạnh S**, sinh năm 1996 tại xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Hoàng Công H và con bà Vũ Thị A; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 11/3/2021 đến ngày 19/3/2021, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Giáp Văn T**, sinh năm 1989 tại xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Giáp Văn B và con bà Đỗ Thị B; Có vợ: Nguyễn Thị T và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 11/3/2021 đến ngày 19/3/2021, hiện tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện: Ông N, chức vụ: Giám đốc

Ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc H, chức vụ: Phó giám đốc (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Giáp Văn C, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Ông Hoàng Công H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Mạnh S, sinh năm 1996, nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang và Giáp Văn T, sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết do cùng là công nhân của công ty TNHH S, thuộc cụm công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. S được giao nhiệm vụ làm tổ trưởng của một ca làm việc tại bộ phận kho hàng (các linh kiện điện thoại) của công ty, chịu trách nhiệm xếp hàng lên xe ô tô, ghi “phiếu hủy, trả lại và xuất hàng” (gọi tắt là phiếu xuất hàng) để chuyển hàng từ công ty TNHH S đến công ty E thuộc khu công nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội, phải có phiếu xuất hàng của S thì hàng mới được xuất ra khỏi công ty, S được hưởng phụ cấp trách nhiệm đối với việc viết phiếu xuất hàng là 500.000 đồng/tháng. T là lái xe của công ty, chịu trách nhiệm lái xe ô tô của công ty để vận chuyển hàng từ công ty TNHH S đến công ty E. Quá trình làm việc, khoảng ngày 21/01/2021, do không có tiền chi tiêu cá nhân, T bảo S “*có lấy được hàng trong công ty ra thì anh bán cho*”, S hiểu ý T là chiếm đoạt hàng của công ty đem bán lấy tiền và đồng ý. Cả hai bàn bạc S sẽ là người xếp hàng lên xe, viết phiếu khống để xuất hàng ra khỏi công ty, T là người vận chuyển hàng ra khỏi công ty mang đi tiêu thụ, tiền bán được sẽ chia đôi. Khoảng 18 giờ ngày 24/01/2021, S tiến hành xếp hàng lên xe ô tô tải, biển kiểm soát 98C-226.93 của công ty, S xếp lên xe số lượng 172 thùng hàng đựng linh kiện, mỗi thùng có 150 linh kiện là khung đỡ điện thoại gồm hai mã A307 và A426, trong đó có 158 thùng hàng S sẽ chuyển cho công ty E, 14 thùng hàng (gồm 06 thùng hàng linh kiện mã A307; 08 thùng hàng linh kiện mã A426) sẽ chiếm đoạt để cho T đem bán, 14 thùng hàng này S để gần cửa của thùng xe ô tô tải cho T dễ nhận biết. Sau khi xếp hàng xong, khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S dùng số thuê bao 0336420297 gọi điện thông báo cho T qua số thuê bao 0984548934 về số lượng và vị trí để 14 thùng hàng chiếm đoạt của công ty để T đem bán trên đường vận chuyển

hàng đến công ty E, T đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày 24/01/2021, T đến nhận xe ô tô hàng để vận chuyển hàng đến công ty E, S viết phiếu xuất hàng có ghi số lượng 164 thùng hàng, giảm 08 thùng so với số lượng thùng hàng thực tế trên xe để đưa cho bảo vệ là ông Nguyễn Văn T- sinh năm 1961, trú tại: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (là người giám sát việc xếp hàng lên xe) ký xác nhận, do tin tưởng S nên ông T không kiểm đếm lại mà ký xác nhận lên phiếu. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe ô tô đến cổng công ty thì gặp bảo vệ là ông Phạm Văn V- sinh năm 1962, trú tại: thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, ông V yêu cầu T dừng xe để kiểm đếm hàng. Ông V tiến hành kiểm đếm hàng trên thùng xe, thấy hàng trên thùng xe không đúng số lượng ghi trên phiếu nên đã giữ xe lại, không cho qua cổng. Thấy vậy, T dùng điện thoại di động nhắn tin thông báo cho S “xe bị giữ lại ở cổng”, S nhận được tin nhắn đã đi ra cổng bảo vệ, viết lại hai phiếu xuất hàng có nội dung: phiếu thứ nhất xuất số lượng 158 thùng hàng, phiếu thứ hai có nội dung “*gửi QM 14T; hàng test; ok xuất*”. Mục đích S hai phiếu này để phù hợp với tổng số 172 thùng hàng trên xe, thực chất S sẽ chỉ xuất đi 158 thùng hàng đến công ty E và chiếm đoạt 14 thùng hàng. S đưa hai phiếu này cho ông V, lấy lại phiếu xuất 164 thùng hàng trước đó và bảo ông V “*cháu quên*”. Ông V kiểm tra thấy phiếu ghi đủ số lượng hàng trên xe nên đã ký xác nhận vào phiếu, đồng ý cho xe qua cổng, đưa lại hai phiếu cho S, S để hai phiếu vào cabin xe ô tô cho T để T đi giao hàng. T điều khiển xe chở hàng từ công ty TNHH S đến công ty E, khi đi đến khu vực khu công nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội, đến khu vực thu mua phế liệu, T thấy có biển thông báo thu mua phế liệu, trên có số điện thoại liên hệ nên T đã dùng số thuê bao 0984548934 của mình gọi điện đến số điện thoại 0977966882 ghi trên biển hiệu để liên hệ bán các thùng hàng đựng linh kiện, người đầu dây bên kia đồng ý mua và hẹn sẽ gặp trực tiếp để giao dịch, T đợi khoảng 15 phút thì có một người đàn ông T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể đến để mua hàng như đã hẹn, T mở thùng xe chở hàng, lấy 14 thùng hàng gồm 06 thùng đựng linh kiện mã số A426, và 08 thùng hàng đựng linh kiện A307, mỗi thùng có quy cách đóng gói 150 linh kiện, tổng là 2100 linh kiện, với giá 7000 đồng/linh kiện, 2100 linh kiện là 14.700.000 đồng, người đàn ông mặc cả bớt 700.000 đồng và đưa cho T 14.000.000 đồng. T đồng ý, cầm tiền và điều khiển xe chở 158 thùng hàng còn lại đến công ty E giao cho anh Nguyễn Đăng T- sinh năm 1995, trú tại: thôn B, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội là nhân viên công ty, anh T kiểm tra hàng, thấy đủ số lượng nên đã ký xác nhận vào phiếu có số lượng 158 thùng hàng, đưa lại cho T. Sau đó, T điều khiển xe ô tô quay chở lại công ty TNHH S, đưa cho S 02 phiếu gồm phiếu xuất hàng có số lượng 158 thùng hàng đã có chữ ký của anh T và phiếu 14 thùng hàng test S viết lúc trước. S đã giữ lại phiếu xuất hàng có số lượng 158 thùng hàng đã có chữ ký của anh T nộp lại cho công ty, còn phiếu xuất

hàng có số lượng 164 thùng hàng và phiếu 14 thùng hàng test, S đã hủy đi, không nhớ vớt ở đâu.

Đối với công ty TNHH S, ngày 26/01/2021, qua việc báo cáo của tổ bảo vệ về việc S viết hai phiếu xuất hàng, kiểm kê lại số lượng hàng hóa đã phát hiện bị mất 14 thùng hàng, công ty đã trích xuất camera an ninh thấy S, T là người thực hiện hành vi phạm tội nên ngày 27/01/2021, công ty đã có đơn trình báo Công an huyện Việt Yên và ủy quyền cho anh Nguyễn Quốc H- sinh năm 1980, trú tại: thôn R, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia tố tụng.

Ngày 11/3/2021, Hoàng Mạnh S, Giáp Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. T giao nộp 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra dữ liệu điện thoại, không có dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 14/3/2021, Cơ quan điều tra có Yêu cầu định giá tài sản do S, T chiếm đoạt của Công ty. Tại Kết luận số 24 ngày 17/3/2021, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Khung đỡ điện thoại và vật tư điện thoại loại A307 trị giá 20.000 đồng/chiếc, 900 chiếc trị giá 18.000.000 đồng. Khung đỡ điện thoại và vật tư điện thoại loại A426 trị giá 20.000 đồng/chiếc, 1200 chiếc trị giá 24.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản gồm 2100 linh kiện là 42.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2021, anh H đã tự nguyện giao nộp 02 đoạn video ghi lại quá trình S xuất hàng ra khỏi kho, xếp lên xe và T điều khiển xe ra khỏi công ty và phiếu xuất hàng ngày 24/01/2021 có số lượng 158 thùng do S nộp lại công ty. Cơ quan điều tra đã cho S, T, ông T, ông V xem đoạn video, S, T, ông T, ông V đều khẳng định người trong đoạn video là mình. Cơ quan điều tra cũng đã cho S xem lại phiếu xuất hàng do công ty giao nộp, S xác nhận là phiếu do mình viết, ký.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ dữ liệu điện thoại, điện tín và thông tin giao dịch các tài khoản ViettelPay liên quan đến vụ án, kết quả: tại danh sách lịch sử cuộc gọi do Tập đoàn công nghiệp- viễn thông Quân đội Viettel cung cấp tại văn bản số 1785 ngày 18/6/2021 đều thể hiện có việc liên lạc giữa S, T phù hợp với thời gian diễn ra hành vi phạm tội và lời khai của các bị can, không thu đủ được dữ liệu tin nhắn do các bị can sử dụng tài khoản zalo để nhắn tin, hiện không còn lưu giữ, không còn dùng tài khoản zalo. Đối với giao dịch liên quan đến việc chuyển tiền qua các số tài khoản Viettel Pay liên kết với Ngân hàng MB Bank, Ngân hàng TMCP MB Bank đã có văn bản trả lời số 157/CV-MB-BGI ngày 28/5/2021 cho biết hai tài khoản số 97044229200079999 (của T) và số 9704229218361843 (của S) không phải tài khoản mở tại Ngân hàng, là tài khoản do Viettel Pay quản lý. Cơ quan điều tra đã có Công văn số 423/CV ngày 04/6/2021, công văn số 548a ngày 25/6/2021 đề nghị Tập đoàn công nghiệp- viễn

thông Quân đội Viettel cung cấp thông tin về hai số tài khoản nhưng không nhận được văn bản trả lời.

Đối với số thuê bao 0977966882 mà T khai là của người mua linh kiện điện thoại chiếm đoạt được, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh cho kết quả thuê bao được cấp cho Thân Văn S- sinh năm 1984, trú tại: thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Thân Văn S đến làm việc nhưng tại biên bản xác minh ngày 05/8/2021, 09/8/2021, 15/8/2021 đều thể hiện S hiện không có mặt tại địa phương, gia đình và địa phương không biết S đi đâu, làm gì, T khai không biết rõ người đàn ông mua linh kiện. Cơ quan điều tra đã cho T đến khu vực thu mua phế liệu tại Khu công nghiệp Q, huyện M, thành phố Hà Nội để xác định vị trí đã bán tài sản nhưng T không xác định được. Ngoài lời khai của T, không có tài liệu nào khác để chứng minh Thân Văn S có liên quan đến vụ việc nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến đối tượng để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 156/CT-VKS ngày 09/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Hoàng Mạnh S và Giáp Văn T về tội “Tham ô tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Người đại diện của bị hại trình bày: Hoàng Mạnh S được phân công làm nhiệm vụ quản lý kho hàng của công ty, Giáp Văn T là lái xe của công ty. Qua công tác kiểm kê phát hiện hàng hóa có sự chênh lệch thất thoát, kiểm tra camera thấy có hành vi nghi ngờ của các đối tượng. Lãnh đạo công ty đã triệu tập bộ phận chức năng, bảo vệ để làm việc đã phát hiện đối tượng trộm cắp tài sản của công ty và báo cơ quan chức năng làm việc. Trong quá trình điều tra vụ án, các bị cáo cùng gia đình đến công ty bồi thường khắc phục hậu quả 42.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Công H và anh Giáp Văn C trình bày: Các bị cáo có nhờ gia đình bồi thường cho bị hại 42.000.000 đồng, mỗi gia đình bồi thường 21.000.000 đồng, không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Mạnh S và Giáp Văn T phạm tội “Tham ô tài sản”;

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo;

Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh S từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn T từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét vì các bên đã bồi thường xong và không có ai yêu cầu.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại Iphone 6 Plus.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, không có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Hoàng Mạnh S và Giáp Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ thu thập được nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24/01/2021, tại Công ty TNHH S tại thuộc Cụm công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Hoàng Mạnh S, sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang và Giáp Văn T, sinh năm 1989, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản lý kho hàng, xuất, vận chuyển hàng hóa để chiếm đoạt của công ty 14 thùng hàng đựng 2.100 linh kiện điện thoại trị giá 42.000.000 đồng. Sau đó, T đem tài sản đi tiêu thụ được 14.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo Hoàng Mạnh S và Giáp Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại sự hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, của người được giao thực hiện nhiệm vụ, chức vụ trong cơ quan tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến niềm tin của nhân dân đối với cơ quan, tổ chức và với người có chức vụ quyền hạn. Bị cáo Hoàng Mạnh S và Giáp Văn T đã lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản lý kho hàng, xuất, vận chuyển hàng hóa để chiếm đoạt tài sản của công ty trị giá 42.000.000 đồng. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Mạnh S và Giáp Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”, vi phạm vào khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Về vai trò: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Bị cáo Hoàng Mạnh S có vai trò chính vì bị cáo là người có chức vụ quản lý kho hàng đồng thời là người thực hành, bị cáo Giáp Văn T là người đề xướng và cùng tham gia chiếm đoạt tài sản của công ty nhưng không phải là người có chức năng quản lý kho hàng nên có vai trò sau Hoàng Mạnh S.

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt vì ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính lần nào.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Giáp Văn T có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng do làm nhiệm vụ quốc tế nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các tình tiết của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vào vai trò, nhân thân của các bị cáo, yêu cầu đấu tranh tội phạm về chức vụ, tham nhũng tại địa phương, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo gây ra, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm về chức vụ, tham nhũng nói riêng.

Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là công nhân làm việc trong doanh nghiệp, không phải cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, tài sản bị chiếm đoạt đã khắc phục xong nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội Tham ô tài sản áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ về quản lý kinh tế theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Giáp Văn T, Hoàng Mạnh S đã tác động gia đình là anh Giáp Văn C- sinh năm 1984 (anh trai T), ông Hoàng Công H- sinh năm 1971 (bố S) bồi thường cho công ty số tiền 42.000.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 21.000.000 đồng). Công ty đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu, đề nghị gì khác nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng Giáp Văn T giao nộp khi đầu thú, xác định là phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại S dùng để liên hệ với T, S khai đã bị hỏng, bỏ đi, không nhớ bỏ đi đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Hoàng Mạnh S và Giáp Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

1.1/ Căn cứ khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/3/2021 đến ngày 19/3/2021.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ về quản lý kinh tế trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

1.2/ Căn cứ khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 353, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Giáp Văn T 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 11/3/2021 đến ngày 19/3/2021.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ về quản lý kinh tế trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Bị cáo Hoàng Mạnh S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Giáp Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Cơ quan CSĐT -CA huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Đương sự vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng

